

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Hoàng Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX-ST ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Lê Thị Thúy O**, sinh năm 1980; cư trú tại **tổ A, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; có đơn xin vắng mặt;

2. Bị đơn: ông **Bùi Bá D**, sinh năm 1980; cư trú tại **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh**; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà **Lê Thị Thúy O** trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông **Bùi Bá D** tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H**. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; ông **D** quyết định mọi việc gia đình không bàn bạc với bà. Vì con, bà cố gắng xây dựng lại gia đình. Tuy nhiên sự việc không thay đổi, ông **D** vẫn không quan tâm, chăm

sóc gia đình, xét thấy không hàn gắn được do đó bà xin được ly hôn với ông **Bùi Bá D**.

Về con chung: bà và ông **D** có hai con chung là **Bùi Bá P**, sinh năm 2004, đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu giải quyết; **Bùi Hồng V**, sinh ngày 12/7/2008 có nguyện vọng được sống với bà, bà đồng ý và không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng nuôi cháu **V**.

Về tài sản chung và nợ chung: bà **Lê Thị Thúy O** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông **Bùi Bá D** vắng mặt nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt;

Bị đơn vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà **Lê Thị Thúy O**, bà **O** được ly hôn với ông **D**. Về con chung: cháu **Bùi Bá P**, sinh năm 2004, đủ 18 tuổi, bà **O** không yêu cầu giải quyết; giao bà **O** tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Bùi Hồng V**, sinh ngày 12/7/2008, ghi nhận bà **O** không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà **O** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: bà **O** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà **Lê Thị Thúy O** có đơn xin vắng mặt; ông **Bùi Bá D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Bà **Lê Thị Thúy O** và ông **Bùi Bá D** chung sống do tự nguyện có đăng ký kết vào năm 2002 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà **O** trình bày: quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 do ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông **D** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra những phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà **O**, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Lê Thị Thúy O**, bà **O** được ly hôn với ông **D**.

[3] Về con chung:

Bà **Lê Thị Thúy O** và ông **Bùi Bá D** có 02 con chung:

+ Cháu **Bùi Bá P**, sinh năm 2004, đủ 18 tuổi, bà **O** không yêu cầu giải quyết;

+ Cháu **Bùi Hồng V**, sinh ngày 12/7/2008. Bà **O** đồng ý nuôi cháu **V** theo nguyện vọng của cháu và không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà **O** không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: bà **O** phải chịu án phí theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thúy O**; bà **Lê Thị Thúy O** được ly hôn với ông **Bùi Bá D**.

2. Về con chung:

+ **Bùi Bá P**, sinh năm 2004, đủ 18 tuổi, bà **Lê Thị Thúy O** không yêu cầu giải quyết;

+ Giao bà **Lê Thị Thúy O** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Bùi Hồng V**, sinh ngày 12/7/2008, ghi nhận bà **O** không yêu cầu ông **D** cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà **Lê Thị Thúy O** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: bà **Lê Thị Thúy O** chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà **O** đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh